TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN CỦ CHI** **THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 68/2019/DSST

Ngày: 28/3/2019

V/v: "TrAh chấp hợp đồng vay tài sản".

NHÂN DAH

NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỦ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Vũ Thị ThAh Hương

- Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Huỳnh Văn Bé;

2. Ông Nguyễn Ngọc Cảnh.

- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Nguyễn Ngọc ThAh Thi - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi không tham gia phiên tòa.

Ngày 28 tháng 3 năm 2019 Tòa án nhân dân huyện Củ Chi xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 511/2018/TLDS-ST ngày 11 tháng 12 năm 2018 về việc: "TrAh chấp hợp đồng vay tài sản" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 46/2019/QĐXXST-DS ngày 18 tháng 3 năm 2019, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Bà Thái Thị Thùy T, sinh năm 1985.

Địa chỉ: Số 81/5 đường B, phường P, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Bà T có mặt tại phiên tòa.

- *Bị đơn*: Ông Nguyễn Hòa A, sinh năm 1981.

Địa chỉ: Số 299 đường B, tổ M, ấp M, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Ông A vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Tại đơn khởi kiện ngày 17 tháng 9 năm 2018 và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Thái Thị Thùy T trình bày sự việc như sau:

Trước đây, bà (Thái Thị Thùy T) và ông Nguyễn Hòa A là bạn bè quen biết với nhau nên vào ngày 07/10/2017, ông A có lập hợp đồng vay của bà số tiền là 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), lãi suất 10%/tháng, thời hạn 06 tháng, tức đến ngày 07/4/2018 ông A phải trả hết số tiền cho bà. Nhưng tới nay, đã quá lâu mà ông A cố tình né tránh, không chịu trả tiền cho bà.

Nay bà yêu cầu ông A trả cho bà số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Ông A có trả tiền lãi cho bà được 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Bà không yêu cầu ông A trả tiền lãi.

Bà yêu cầu cá nhân ông A trả tiền, ngoài ra không yêu cầu ai khác, vì khi cho ông A vay tiền, ông A đã ly hôn.

* Tại bản tự khai ngày 22/02/2019, bị đơn ông Nguyễn Hòa A trình bày sự việc như sau:

Ông đã từng mượn bà T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), tuy nhiên ông đã trả dứt điểm hết số tiền trên cho bà T, ông trả làm nhiều lần, đến tháng 10/2018 là trả hết.

Ông trả nợ nhưng không làm giấy tờ vì hai bên là bạn bè lâu năm. Ông xin vắng mặt trong suốt quá trình tố tụng tại Tòa án.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa, căn cứ vào kết quả trAh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng:

Theo đơn khởi kiện của bà Thái Thị Thùy T, Tòa án đã thụ lý vụ kiện có mối quan hệ pháp luật tranh chấp là: "Tranh chấp hợp đồng vay tài sản". Bị đơn trong vụ kiện ông Nguyễn Hòa A hiện có địa chỉ tại huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh nên căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Củ Chi.

Bị đơn ông Nguyễn Hòa A vắng mặt tại phiên tòa nhưng có đơn xin vắng mặt nên căn cứ vào khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông A.

[2] Về nội dung:

Xét yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị Thùy T về việc yêu cầu ông Nguyễn Hòa A trả số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Hội đồng xét xử nhận định:

Qua các tài liệu, chứng cứ thu thập được có trong hồ sơ vụ án có đủ cơ sở xác định: Ngày 07/10/2017, ông A có vay của bà T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng) , lãi suất 10%/tháng, thời hạn vay 06 tháng. Bà T cho rằng ông A chỉ trả cho bà được tiền lãi là 2.000.000đ (hai triệu đồng), ngoài ra không trả cho bà số tiền gốc nào cả. Còn tại bản tự khai ngày 22/02/2019, ông A cho rằng ông đã trả cho bà T hết số nợ trên. Tuy nhiên, ông A không cung cấp được tài liệu gì chứng minh cho lời trình bày của mình nên không có cơ sở để chấp nhận lời trình bày của ông A, chỉ có cơ sở chấp nhận lời trình bày của bà T là có nhận tiền lãi của ông A là 2.000.000đ (hai triệu đồng).

Do đó, việc bà T khởi kiện yêu cầu ông A phải trả cho bà số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật là có cơ sở, Hội đồng xét xử chấp nhận.

Xét thấylãi suất theo thỏa thuận giữa hai bên là 10%/tháng là quá cao so với quy định của pháp luật, tuy nhiên bà T cho rằng ông A chỉ trả cho bà được tiền lãi là 2.000.000đ (hai triệu đồng) tính từ ngày 07/10/2017 cho đến nay và tại phiên tòa, bà T cũng không yêu cầu tính tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xét.

Tại phiên tòa, bà T xác nhận chỉ yêu cầu cá nhân ông A trả tiền, ngoài ra không yêu cầu ai khác nên Hội đồng xét xử không xét.

[3]Về án phí:

Do yêu cầu của bà T được chấp nhận nên bà T không phải nộp án phí dân sự sơ thẩm.

Ông A phải nộp tiền án phí dân sự sơ thẩm theo luật định, cụ thể như sau: 20.000.000đ x 5% = 1.000.000đ (một triệu đồng).

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

- Áp dụng khoản 3 Điều 26, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, Điều 147, Điều 228, Điều 244, Điều 271, khoản 1 Điều 273, Điều 278, Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

- Áp dụng Điều 357, Điều 463, Điều 466, Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015;

- Áp dụng Luật phí và lệ phí số: 97/2015/QH13 ngày 25/11/2015 và Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy bA Thường vụ Quốc hội;

- Áp dụng Điều 6, 7, 26, 30, 31, 32 Luật Thi hành án dân sự năm 2008;

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn bà Thái Thị Thùy T.

Buộc ông Nguyễn Hòa A phải cho bà Thái Thị Thùy T số tiền 20.000.000đ (hai mươi triệu đồng), trả một lần ngay sau khi bản án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày bản án, quyết định có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quA thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

2. Về án phí:

Án phí dân sự sơ thẩm buộc ông A phải nộp là 1.000.000đ (một triệu đồng)

Hoàn lại tiền tạm ứng án phí 500.000đ (năm trăm nghìn đồng) cho bà T theo biên lai số: 0033659 ngày 11/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Củ Chi.

Thi hành tại cơ quA Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

3. Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa (ông Nguyễn Hòa A) được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP. HCM;
- VKSND H. Củ Chi;
- Chi cục THADS H. Củ Chi;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa

(đã ký)

Vũ Thị ThAh Hương